

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2021/DS-ST

Ngày: 24 - 9 - 2021

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Long và ông Y Míp Niê

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2021/TLST- DS, ngày 24 tháng 02 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2021/QĐST - DS ngày 18 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2021/QĐST – DS ngày 07 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Địa chỉ: 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Cao Tr – Phó Giám đốc Phòng giao dịch K, Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V (Quyết định ủy quyền số 1043a/BIDV.BH ngày 22/6/2021, có mặt).

Địa chỉ: 105 N, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn L, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Cao Tr trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V - Phòng giao dịch K (sau đây gọi tắt là ngân hàng) với bà Nguyễn Thị T đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2019/8297101/HĐTD ngày 27/02/2019 với nội dung: Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 265.000.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, mức lãi suất trong hạn là 11,9%/năm, trả lãi 03 tháng một lần.

Tài sản thế chấp để bảo đảm các khoản vay nói trên là quyền sử dụng đất và tài sản

gắn liền với đất theo giấy chứng nhận QSD đất số BQ 834870 do Ủy ban nhân dân huyện Krông Năng cấp ngày 28/01/2016 mang tên bà Nguyễn Thị T, thửa đất số 133, tờ bản đồ số 9, diện tích 6.649m², địa chỉ thửa đất tại xã Phú Lộc, huyện Krông Năng. việc thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2016/8297101/HĐBĐ ngày 23/02/2016 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2018/8297101/HĐBĐ ngày 17/4/2018.

Sau khi ký kết hợp đồng ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay theo hợp đồng cho bà T.

Trong thời gian vay vốn bà T chỉ trả cho ngân hàng được số nợ lãi của 01 kỳ là 7.948.548đ (Trả ngày 21/6/2019). Còn số nợ gốc và nợ lãi tiếp theo thì đến nay bà T vẫn chưa trả cho ngân hàng, mặc dù đã quá hạn trả nợ. Do bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên ngân hàng đã khởi kiện bà T tại Tòa án. Kể từ thời điểm ngân hàng khởi kiện tại Tòa án đến nay bà T vẫn không thực hiện việc trả nợ cho ngân hàng.

Đến thời điểm xét xử tổng số tiền mà bà T còn nợ ngân hàng là 339.340.960đ (Ba trăm ba mươi chín triệu ba trăm bốn mươi ngàn chín trăm sáu mươi đồng) bao gồm: Nợ gốc là 265.000.000đ, lãi suất là 74.340.960đ (Lãi trong hạn: 56.071.822đ; lãi quá hạn 16.113.089đ; lãi chậm trả đối với lãi: 2.156.049đ).

Nay ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T trả tổng số tiền tính đến ngày xét xử là 339.340.960đ (Ba trăm ba mươi chín triệu ba trăm bốn mươi ngàn chín trăm sáu mươi đồng), đồng thời phải chịu lãi suất phát sinh theo theo hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 25/9/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp bà T không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển V đề nghị được quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ,

Tại phần tranh luận, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến, trong đó trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ và đúng các quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa đương sự tuân thủ nội quy phiên tòa và sự điều khiển của chủ tọa phiên tòa.
- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ thu thập có trong hồ sơ, HĐXX thấy rằng: Giữa Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V với bà Nguyễn Thị T đã xác lập giao dịch vay tiền. Do ngân hàng cho rằng bà T không trả nợ đúng hạn nên đã khởi kiện tại Tòa án. Vì vậy HĐXX xác định tranh chấp giữa ngân hàng với bà T là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26

BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử là 339.340.960đ (Ba trăm ba mươi chín triệu ba trăm bốn mươi ngàn chín trăm sáu mươi đồng), vì cho rằng bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, HĐXX xét thấy:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần, tổng đạt thông báo thụ lý cũng như kết quả phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và các tài liệu chứng cứ kèm theo. Tuy nhiên bà T tình đều không có mặt để làm việc và cũng không có ý kiến phản hồi khi nhận được các thông báo của Tòa án. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và Tòa án đã thu thập để làm căn cứ giải quyết vụ án. Cụ thể như sau:

+ Về số tiền vay: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V – Chi nhánh B – Phòng giao dịch K với bà Nguyễn Thị T đã ký kết hợp đồng tín dụng với nội dung: Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị T vay số tiền 265.000.000đ (Hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng), thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, mức lãi suất trong hạn là 11,9%/năm, trả lãi 03 tháng một lần. Ngân hàng đã giải ngân cho bà T số tiền 265.000.000đ theo hợp đồng tín dụng.

+ Về số tiền đã trả: Kể từ thời điểm vay cho đến nay bà T mới trả cho ngân hàng được 01 kỳ tiền lãi là 7.948.548đ.

Tính đến thời điểm xét xử tổng số tiền mà bà T còn nợ ngân hàng là 339.340.960đ (Ba trăm ba mươi chín triệu ba trăm bốn mươi ngàn chín trăm sáu mươi đồng) bao gồm: Nợ gốc là 265.000.000đ, lãi suất là 74.340.960đ

Theo thời hạn trả nợ mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng thì tính đến thời điểm ngân hàng khởi kiện tại Tòa án khoản vay của bà T đối với ngân hàng đã quá hạn trả nợ. Tuy nhiên cho đến nay Bà T vẫn chưa trả xong nợ cho ngân hàng và cũng không bàn giao tài sản thế chấp cho ngân hàng để xử lý nợ là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên việc ngân hàng khởi kiện bà T, yêu cầu buộc bà T thanh toán số nợ gốc và tiền lãi phát sinh là hoàn toàn có căn cứ.

[3]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, để đảm bảo quyền lợi cho bên bị vi phạm, HĐXX xét thấy cần áp dụng các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển V, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho ngân hàng toàn bộ số tiền tính đến ngày xét xử, đồng thời phải chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 25/9/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền bà T đã thế chấp tài sản là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Vì vậy nếu bà T không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản mà bà T đã thế chấp cho ngân hàng để thu hồi nợ.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T là người có lỗi và phải thực hiện nghĩa vụ dân sự, không thuộc trường hợp được miễn, giảm án phí nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự có giá ngạch.

Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên sẽ được hoàn trả số tiền án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự và khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V.

1. Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V tổng số tiền là 339.340.960đ (Ba trăm ba mươi chín triệu ba trăm bốn mươi ngàn chín trăm sáu mươi đồng), bao gồm: Nợ gốc là 265.000.000đ, lãi suất là 74.340.960đ.

Kể từ ngày 25/9/2021 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 01/2019/8297101/HĐTD ngày 27/02/2019

Sau khi bà T trả hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V, thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho bà T giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 834870 do Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 28/01/2016 mang tên bà Nguyễn Thị T.

Trường hợp bà T không trả hoặc trả không hết nợ, thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất mà bà T đã thế chấp cho ngân hàng tại Hợp đồng thế chấp số 01/2016/8297101/HĐBĐ ngày 23/02/2016 và văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01/2018/8297101/HĐBĐ ngày 17/4/2018, để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 16.967.048đ (Mười sáu triệu chín trăm sáu mươi bảy ngàn không trăm bốn mươi tám đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển V số tiền 8.318.000đ (Tám triệu ba trăm mười tám ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng theo biên lai số AA/2019/0015261 ngày 04 tháng 02 năm 2021.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Đắk Lắk;

- VKSND huyện Krông Năng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- *THADS huyện Krông Năng;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

(Đã ký)

BÙI NGỌC SAN